

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
gửi giữ cà phê và vay tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Doãn Đình Quyển và bà Nguyễn Thị Nhung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2020/TLPT-KDTM ngày 26/8/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ cà phê và vay tiền*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐ-PT ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M); cùng địa chỉ: Số 268 T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Ngọc N; địa chỉ: Số 57 đường A, thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

***- Bị đơn:*** Tổng Công ty A; địa chỉ: Số 211-213-213a T, phường 8, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Lê Ngọc L; chức vụ: Quyền Giám đốc Công ty cà phê B; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Ngọc L tham gia tố tụng:* Ông Trần Quốc H; chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Nông nghiệp Công ty cà phê B; có mặt.

Cùng địa chỉ: Km2 T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Thành N – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH CN, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: 17 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Huỳnh Văn H; địa chỉ: 225 T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Hà Đắc C; địa chỉ: Thôn T, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
2. Ông Lê Doãn L; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
3. Ông Hoàng H; địa chỉ: TDP 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
4. Ông Lê Thanh T; địa chỉ: TDP T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Văn H

- **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc N trình bày:*

Từ năm 1998 đến năm 2000, vợ chồng ông S, bà M cùng với ông Huỳnh Văn H có quan hệ mua bán cà phê với Công ty cà phê B nay là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty A (gọi tắt là Công ty) theo phương thức: Công ty cho ông S, bà M và ông H vay tiền để mua cà phê với lãi suất từ 0,9 - 1,1%/ tháng, không quy định thời hạn vay. Sau khi vay tiền, ông S, bà M và ông H phải mua cà phê về nhập kho Công ty. Khi nào giá cà phê bảo đảm có lãi, ông S, bà M, ông H và Công ty sẽ thỏa thuận chốt giá cà phê tại thời điểm hai bên đối chiếu công nợ và bù hoàn cho nhau. Việc thỏa thuận không lập thành văn bản mà chủ yếu theo thông lệ mua bán cà phê tại địa phương. Quá trình mua bán ông S, bà M và ông H nhập kho gửi công ty 12 phiếu số lượng 142.460,7 kg cà phê nhân xô (ngày nhập kho cuối cùng là 10-01-2000). Việc làm trên vợ chồng ông S, bà M đều giao cho ông Huỳnh Văn H là người làm công, giúp việc thân tín thực hiện. Việc làm ăn chung này, ông S, bà M và ông H cũng đã thỏa thuận, sau khi bán cà phê cho công ty và thanh toán công nợ, thì ông S, bà M và ông H sẽ tính toán với nhau.

Ngày 21/4/2006, vợ chồng ông S, bà M quyết định bán 142.460,7 kg cà phê nói trên cho Công ty nhưng Công ty báo rằng số cà phê ông bà gửi tại Công ty đã chốt giá để trả nợ cho Công ty chỉ còn hơn 03 tấn. Vì vậy, ông S, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trả cho ông bà 142.460,7 kg cà phê nhân xô; ông S, bà M đồng ý trả cho Công ty số tiền đã vay là 1.132.000.000đ ( Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng) cùng với tiền lãi.

Ngày 30/5/2006, ông S, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty cà phê B trả lại số cà phê của 08 phiếu mang tên ông S, bà M là 80.539,5 kg và

đồng ý trả lại cho công ty số tiền là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận, nếu phía công ty có đơn phản tố yêu cầu. Còn 04 phiếu mang tên ông H số lượng 61.912,2 kg là của ông H tự chốt giá số tiền 1.132.000.000đ ông H vay của Công ty ông H tự trả.

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc H trình bày:*

Những năm 1998 đến năm 2000 Công ty cà phê B thu mua cà phê theo phương thức cho ứng trước 70% giá trị cà phê gửi kho, lãi suất 0,9 đến 1,1 %/tháng, chốt giá sau. Trong 12 phiếu nhập kho ông S, bà M khởi kiện Công ty có 04 phiếu mang tên ông S, 04 phiếu mang tên bà M và 04 phiếu mang tên ông H, số lượng cà phê nhân xô là 142.460,7kg. Quá trình giao dịch với Công ty đều do ông Huỳnh Văn H là người trực tiếp ký nhập. Sau khi gửi cà phê ông H cầm cố toàn bộ số cà phê trên để vay 1.132.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng). Sau khi nhận tiền, cà phê liên tục rớt giá nên giá trị nhập kho cà phê không đủ trả nợ, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ và gia hạn thời hạn trả nợ. Do cà phê là loại thực phẩm dễ bị ẩm, mốc và mọt đục hạt. Trước tình hình đó, Công ty đã ra thông báo số 27 ngày 15/8/2002 gửi thông báo yêu cầu ông S, bà M đến Công ty chốt giá bán cà phê và thanh toán tiền vay nhưng ông S, bà M không nhận thông báo với lý do không giao dịch gì với Công ty. Sau đó, Công ty yêu cầu ông Huỳnh Văn H là người nhập cà phê đến chốt giá cà phê để trả nợ. Tháng 01/2003, ông H chốt bán 40.387,5 kg trả cho Công ty 428.107.893 đồng tiền lãi; Tháng 4/2005, ông H bán tiếp 95.303,1 kg trả cho công ty toàn bộ cả gốc và lãi là 1.445.104.600 đồng; số cà phê còn lại 6.770,1 kg.

Ngày 21/4/2006, ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M khởi kiện đòi Công ty cà phê B trả 142.460,7 kg cà phê và đồng ý trả cho Công ty cà phê B 1.132.000.000 đồng và lãi vay.

Ngày 30/5/2006 ông S, bà M thay đổi nội dung khởi kiện đòi Công ty cà phê B trả 80.539,5 kg cà phê và chỉ chấp nhận trả gốc 95.000.000đ và lãi vay theo thời gian cho công ty.

Căn cứ Quyết định số 1697/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/5/2017 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty A và bản phụ lục kèm theo quyết định này, theo đó Công ty cà phê B trở thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty A. Do đó xác định bị đơn là Tổng Công ty A

Tổng Công ty A khẳng định: 12 phiếu gửi mang tên ông S, bà M và ông H số lượng 142.460,7 kg cà phê nhân xô đều do ông Huỳnh Văn H trực tiếp gửi vào công ty, sau khi gửi ông H cầm cố toàn bộ số cà phê đã gửi để vay tiền của Công ty là 1.132.000.000đ. Nay ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Tổng Công ty A (trước kia Công ty cà phê B). Công ty không giao dịch với ông S, bà M. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà M.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:*

Tôi và vợ chồng ông S, bà M có quan hệ mua bán chung với nhau, việc giao dịch mua bán cà phê với Công ty cà phê B chỉ có mình tôi thực hiện việc gửi cà phê và vay tiền của Công ty. Quá trình giao dịch ông đã nhiều lần mượn tên của ông S, bà M để bán cà phê và vay tiền của Công ty. Theo quy định của Công ty, mỗi lần gửi cà phê nhập vào kho người gửi sẽ được vay 70% giá trị của lô hàng. Từ năm 1998 đến năm 2000, tôi đã nhập kho ký gửi cho Công ty 16 lần với 16 phiếu nhập kho, tôi đã thanh toán với Công ty 04 phiếu trong đó 03 phiếu tên M, 01 phiếu tên S còn lại 12 phiếu nhập kho chưa thanh toán với tổng số 142.460,7 kg cà phê nhân xô và vay 1.132.000.000 đồng. Cụ thể:

*\* 04 phiếu nhập kho ký gửi cà phê mang tên Huỳnh Văn H gồm:*

- Phiếu số 62 ngày 02/12/1998, nhập 3.383,3 kg, vay 50.000.000 đồng;
- Phiếu số 515 ngày 14/01/2000, nhập 26.566 kg, vay 210.000.000 đồng;
- Phiếu số 682, ngày 17/01/2000, nhập 13.928kg, vay 104.000.000 đồng;
- Phiếu số 983, ngày 20/01/2000, nhập 18.044 kg, vay 115.000.000 đồng.

*\* 04 phiếu mang tên bà Nguyễn Thị M gồm:*

- Phiếu số 77 ngày 07/12/1998, nhập 3.536 kg, vay 50.000.000 đồng;
- Phiếu số 118, ngày 22/12/1998, nhập 3.371,2 kg, vay 48.000.000 đồng;
- Phiếu số 254 ngày 31/12/1998, nhập 3.151,5 kg, vay 45.000.000 đồng;
- Phiếu số 697 ngày 22/01/1999, nhập 3.705,5 kg, vay 50.000.000 đồng.

*\*04 phiếu mang tên ông Hoàng Trọng S gồm:*

- Phiếu số 174 ngày 06/01/2000, nhập 17.120,8 kg, vay 140.000.000đồng;
- Phiếu số 73 ngày 28/12/1999, nhập 11.018,2 kg, vay 95.000.000 đồng;
- Phiếu số 83 ngày 30/12/1999, nhập 13.002,3 kg, vay 25.000.000 đồng;
- Phiếu số 307 ngày 10/01/2000, nhập 25.634 kg, vay 200.000.000 đồng.

Sau khi gửi cà phê, do công việc làm ăn xa nên tôi gửi toàn bộ 12 phiếu nhập kho và 12 phiếu chi (phiếu vay tiền của Công ty) cho vợ chồng ông S, bà M giữ giúp. Từ tháng 01/2003 và tháng 4/2005, tôi và Công ty đã thỏa thuận chốt giá cà phê các phiếu trên để trả nợ, hiện Công ty còn nợ tôi 6.770,1 kg cà phê nhân xô. Căn cứ 12 phiếu nhập kho tôi gửi, ngày 21/4/2006, Ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M khởi kiện đòi Công ty cà phê B 12 phiếu gửi là 142.460,7kg cà phê và đồng ý trả cho công ty 1.132.000.000 đồng và lãi suất. Tôi đến gặp ông S, bà M thì ông S, bà M đã bàn bạc với tôi kiện Công ty để lấy tiền chênh lệch chia nhau. Ông S bảo tôi lên Tòa cứ nhận là người làm thuê cho vợ chồng ông và ký vào các biên bản do Tòa án lập, còn mọi việc ông S lo liệu. Sau khi thắng kiện, sẽ chia phần chênh lệch. Vì thấy số tiền lớn nên tôi đồng ý theo sự sắp đặt của vợ chồng ông S, bà M. Nhưng sau đó ông S, bà M đã thay đổi yêu cầu chỉ đòi 08 phiếu mang tên ông S, bà M số lượng 80.539,5 kg cà phê nhân xô và đồng ý trả 95.000.000 đồng tiền vay của công ty. Nên tôi đề nghị Tòa án điều tra

xác minh để làm rõ sự giả dối của ông S, bà M. Ông cũng khẳng định 12 phiếu nhập cà phê là chỉ có một mình ông giao dịch với Công ty, không liên quan gì đến ông S, bà M; ông cũng không đưa cho ông S, bà M số tiền 95.000.000 đồng. Hiện nay giữa ông và Công ty đã thanh toán dứt điểm, nên ông không có yêu cầu gì khác.

*Người làm chứng Ông Hà Đắc C trình bày:* Trong thời gian từ năm 1998 tôi là xưởng trưởng xưởng chế biến cà phê Công ty cà phê B. Xưởng chế biến cà phê có chức năng nhận cà phê của khách hàng đem đến, tái chế, phân loại rồi xuất, cùng thời gian này xưởng có nhập một số cà phê do ông Huỳnh Văn H đem đến nhập, khi ký gửi nhiều phiếu được ghi tên phiếu nhập là Nguyễn Thị M và Hoàng Trọng S, còn phần thanh toán tôi không biết.

*Người làm chứng ông Lê Thanh T trình bày:* Trong thời gian từ năm 1998 tôi xưởng phó xưởng chế biến cà phê Công ty cà phê B với nhiệm vụ chỉ đạo công nhân phơi, sấy và chế biến cà phê, của khách hàng đem đến, tái chế, phân loại rồi xuất, và chỉ quan tâm đến chất lượng, số lượng cà phê vào xưởng, còn tên từng người cụ thể và cà phê của ai thì tôi không biết.

*Người làm chứng ông Hoàng H trình bày:* Tôi là kế toán Công ty cà phê B thuộc phòng kinh doanh từ năm 1998, theo chủ trương của công ty có cho hộ cá nhân trong công ty và người dân trong khu vực lân cận gửi cà phê và tạm ứng tiền để kinh doanh. Số tiền tạm ứng bằng 70% giá trị gửi vào theo giá thị trường. Trong quá trình hoạt động công ty quy định chỉ cần có cà phê thể chấp thì được tạm ứng tiền. Trong quá trình gửi cà phê và vay tiền tại công ty là do ông Huỳnh Văn H đem cà phê xuống nhập tại kho (khi nhập không xuất trình chứng minh nhân dân). Sau khi nhập cà phê ông H đem phiếu nhập đến phòng kế toán để tạm ứng 70% giá trị cà phê.

*Người làm chứng ông Lê Doãn L trình bày:* Vào thời điểm tháng 02/1999 tôi là kế toán viên xưởng chế biến Công ty cà phê B. Khi công nhân và người dân trên địa bàn đem cà phê nhân đến nhập kho tại công ty, thì bộ phận cân kiểm tra chất lượng về số lượng, độ ẩm, đen vỏ, tạp chất, kế toán có nhiệm vụ căn cứ số lượng, chỉ số về quy chuẩn thì ghi các số liệu vào phiếu “biên nhận cà phê nhân xô” do công ty Buôn Hồ ban hành. Tôi có lập 04 phiếu tên ông Huỳnh Văn H và 04 phiếu tên Hoàng Trọng S. Quá trình làm phiếu thì chỉ có ông Huỳnh Văn H đứng giao dịch, khi giao dịch thì không cần phải xuất trình chứng minh nhân dân.

Quá trình giải quyết vụ án từ năm 2007 cho đến nay đã xét xử nhiều lần và qua nhiều cấp xét xử:

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 03/KDTM-ST ngày 03/8/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định: *Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M đòi nợ Công ty cà phê B 80.539,5 kg cà phê nhân đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Tách 04 phiếu mang tên ông H với số lượng là 62.948,5 kg cà phê nhân xô quy chuẩn để giải quyết riêng thành vụ án khác khi ông S, bà M có đơn yêu cầu.*

Sau đó, ngày 16/8/2007 nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án số 09/2007/DSPT ngày 15/11/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, quyết định: *Hủy toàn bộ Bản án số 03/KDTM-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án.*

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 74/2007/QĐST-KDTM ngày 17/12/2007 chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Krông Búk để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 02/2008/KDTM-ST ngày 08/8/2008, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, quyết định: *Chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M. Buộc Công ty cà phê B phải thanh toán cho vợ chồng ông S, bà M 80.539,5kg cà phê nhân xô theo giá 36.400đ/kg thành tiền là 2.931.637.800đồng*

Sau đó ông Huỳnh Văn H và Công ty cà phê B kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2009/KDTM- PT ngày 13/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định: *Chấp nhận kháng cáo của Công ty cà phê B và của ông Huỳnh Văn H, sửa toàn bộ án sơ thẩm. Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M về việc đòi Công ty cà phê B 80.539,5 kg cà phê nhân xô.*

Sau khi xét xử phúc thẩm, vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M có đơn khiếu nại, đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định kháng nghị số 18/KDTM-KN ngày 02/7/2012, Chánh án TANDTC kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 04/2009/KDTM - PT ngày 13/7/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa kinh tế TANDTC xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 04/2009/KDTM-PT ngày 13/7/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2008/KDTM-ST ngày 08/8/2008 của TAND huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 22/4/2013 của Tòa kinh tế TANDTC, quyết định: *Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 04/2009/KDTM-PT ngày 13/7/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2008/KDTM-ST ngày 08/8/2008 của TAND huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 02/2015/KDTM-ST ngày 30/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ Quyết định;

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy My về việc yêu cầu Công ty cà phê B phải trả số lượng 80.539,5 kg cà phê nhân xô.*

Sau đó ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên. Tại bản án KDTM phúc thẩm số 08/2016/KDTM-PT ngày 07/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

*Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.*

Sau khi xét xử phúc thẩm, vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M có đơn khiếu nại, đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định kháng nghị số 64/QĐKN-VC2-V3 ngày 15/11/2016 Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 08/2016/KDTM-PT ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 31/2017/KDTM-GĐT của UBTP TAND cấp cao tại Đà Nẵng ngày 20/9/2017 quyết định: *Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 08/2016/KDTM-PT ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2015/KDTM-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.*

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 04/5/2018, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ quyết định: *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M về việc yêu cầu Công ty cà phê B phải trả số lượng 80.539,5 kg cà phê nhân xô.*

Sau đó ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên. Tại Bản án KDTM phúc thẩm số 12/2018/KDTM-PT ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định: *Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Phan Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử lại theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ quyết định: *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M) về việc yêu cầu Tổng Công ty A phải trả số lượng 80.539,5kg cà phê nhân xô.*

Sau đó người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M là ông Phan Ngọc N kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên. Tại Bản án KDTM phúc thẩm số 04/2020/KDTM-PT ngày 28/4/2020

của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Ngọc N; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 161; 162; 195; khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 BLTTDS;

Căn cứ các Điều 562, 563, 565, 566, 568 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M)

1. Buộc Tổng Công ty A phải trả cho ông S bà M số lượng 80.539,5kg cà phê nhân xô.

2. Tách khoản tiền vay mà vợ chồng ông S bà M cho rằng vay của ông H sau khi ông H ký nhận số tiền vay của Công ty cà phê B thuộc Tổng Công ty A, và tách khoản tiền vay tương ứng với số lượng cà phê mà vợ chồng ông S bà M và ông H giao dịch gửi giữ cà phê và vay tiền của Công ty cà phê B thuộc Tổng Công ty A thành vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có đơn yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các ngày 21,24/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27/7/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ kháng nghị toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*



Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để cho rằng ông Hoàng Trọng Như S, bà Nguyễn Thị Thùy M có giao dịch ký gửi cà phê với Công ty cà phê B, thuộc Tổng Công ty A là phiên diện một chiều, chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ khác có trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu căn cứ pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty cà phê B, thuộc Tổng Công ty A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/7/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ kháng nghị trong thời hạn luật định nên hợp lệ và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Ngọc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Trong thời gian từ năm 1998 đến năm 2000, Công ty cà phê B nay thuộc Tổng Công ty A (Gọi tắt là Công ty) mua cà phê của khách hàng và cho khách hàng vay tiền theo phương thức: Khi khách hàng gửi cà phê vào kho Công ty, Công ty cho khách hàng vay số tiền bằng 70% giá trị cà phê gửi kho, với lãi suất từ 0,9% đến 1,1%/tháng. Khi nào khách hàng bán cà phê cho Công ty thì chốt giá bán và trả nợ cho Công ty số tiền đã vay, cùng với tiền lãi. Theo đó thì trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến năm 2000, ông Huỳnh Văn H đã 12 lần nhập cà phê vào kho Công ty với số lượng 142.460,7kg cà phê nhân xô trong đó có 04 phiếu mang tên bà Nguyễn Thị M và 04 phiếu mang tên ông Hoàng Trọng S, tổng số lượng là 80.539,5kg cà phê; vay lại Công ty 1.132.000.000đ. Trong thời gian từ tháng 01/2003 đến tháng 4/2005, ông H đã bán cho Công ty 135.690,6kg cà phê và trả cho Công ty số tiền 1.132.000.000đ đã vay, cùng với tiền lãi, số cà phê của ông H còn lại tại Công ty là 6.770,1kg.

Cũng theo phương thức trên thì trước đó ông H cũng đã 4 lần nhập cả phê vào kho Công ty trong đó có 03 phiếu gửi cả phê số 401, 423, 458 mang tên bà M và 01 phiếu gửi cả phê số 592 mang tên ông S, kèm theo các phiếu chi tiền tạm ứng tương ứng với số cả phê ký gửi, đều do ông H ký cả phiếu gửi cả phê và phiếu chi tiền. Đến ngày 23/4/1999, ông H đã chốt thanh toán 4 phiếu gửi trên với Công ty. Đối với 04 phiếu gửi này các bên không có tranh chấp.

[2.2] Từ phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2007 trở về trước, ông S, bà M, ông H đều khai nhận có việc buôn bán cả phê chung với nhau. Ông S, bà M, ông H và Công ty có nhập kho 142.460,7 kg cả phê nhân xô, Công ty có cho vay trước 1.132.000.000 đồng. Cụ thể:

Tại bản tự khai ngày 26/5/2006, ông H khai: *“Trước đây, tôi và bà Nguyễn Thị M có làm ăn chung ....tôi và bà M có gửi tổng cộng 142.460kg và ứng 1.132.000.000 đồng”* và tại biên bản hòa giải không thành ngày 26/5/2006, ông H trình bày *“Do từ năm 1998 đến năm 2000 tôi trực tiếp giao dịch gửi cả phê cho ông S và nhận tiền vay, cụ thể gửi giữ tại Công ty B là 142.460,7kg cả phê nhân xô và vay số tiền gốc của Công ty là 1.132.000.000 đồng. Nay ông S, bà M yêu cầu Công ty phải trả số cả phê gửi giữ và thanh toán số tiền vay và tiền lãi thì tôi đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến gì”*.

Tại biên bản hòa giải không thành ngày 16/5/2006, ông Trần Xuân B – Giám đốc Công ty cả phê B thừa nhận: *“Công ty cả phê B có quan hệ vay tài sản và nhận cả phê của ông S bà M ... Công ty có nhận cả phê của ông S, bà M và ông H 142.460,7kg”* và tại Biên bản hòa giải không thành ngày 26/5/2006, ông B vẫn thừa nhận *“...từ năm 1998 đến năm 2000 vợ chồng ông S, bà M có gửi giữ cả phê tại Công ty cả phê B, tổng cộng nhiều đợt là 142.460,7kg cả phê nhân xô (Bao gồm cả phiếu mà ông Huỳnh Văn H đứng tên gửi cả phê) ...”*.

Tại bảng kê tính lãi và giá bảo toàn phải chốt cả phê gửi kho hoàn nợ ngày 08/3/2005, Công ty đã kê các khoản cả phê gửi, tiền vay và lãi của ông S, bà M, ông H và đề nghị họ mang phiếu cả phê đến để chốt giá. Ngày 14/3/2005, Công ty có thông báo về việc chốt giá cả phê gửi kho gửi cho ông S, bà M, ông H đề nghị *“...mang giấy gửi cả đến Công ty cả phê B chốt bán trả nợ ... thời hạn trước ngày 16/3/2005”*.

[2.3] Ông H cho rằng cả phê là của ông, ông không phải là người làm thuê mà chỉ mượn tên ông S, bà M vì ông S bà M có giấy phép kinh doanh là không phù hợp. Bởi lẽ, nếu ông H mượn tên ông S bà M thì tại sao trong các phiếu nhận tiền mang tên ông S, bà M; ông H lại ghi *“nhận thay”*, rồi sau khi nhập kho gửi giữ cả phê và vay tiền ông H lại đưa các phiếu này về cho ông S, bà M giữ. Hơn nữa, tại các phiếu vay tiền số 62 ngày 02/12/1998 và phiếu số 105 ngày 02/12/1998 đứng tên ông H trước các phiếu cả phiếu mang tên ông S, bà M.

Ngoài ra, tại đơn trình báo ngày 25/12/2002 của ông Huỳnh Văn H gửi Ban lãnh đạo Công ty cả phê B nay thuộc Tổng Công ty A có nêu *“Vào những năm 1998 – 2000, Công ty cả phê B có cho gửi cả phê ứng tiền, vậy tôi có gọi trước sau 4 phiếu cả phê nhân số lượng 61.921,2 kg. Công ty đã cho tôi vay tổng cộng số tiền là 479.000.000 đồng với số phiếu 62, 515, 682, 983... Tôi có gọi cho bà Nguyễn Thị M 4 phiếu cả phê trên. Sau khi Công ty có thông báo thu nợ tôi xuống*

*lấy số phiếu trên thì bà M không đưa và có ý định chiếm đoạt số phiếu trên... tôi làm đơn này kính trình lên công ty không được cho bà M dùng 4 số phiếu cà phê của chính tôi".* Như vậy, ông H xác nhận trước sau chỉ gửi 4 phiếu cà phê và yêu cầu Công ty không cho bà M thanh toán 04 phiếu cà phê mang tên ông trong 12 phiếu gửi cà phê do ông S bà M đang quản lý, không có yêu cầu gì đối với 8 phiếu mang tên ông S bà M.

Ông H cho rằng các lời khai của ông từ trước phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2007 trở về trước ông thừa nhận 142.460,7kg cà phê mà ông gửi cho Công ty là tài sản của vợ chồng ông S, bà M và ông H, số tiền 1.132.000.000đ ông H vay Công ty là vay chung. Sở dĩ ông khai như vậy là do ông và ông S, bà M đã bàn bạc với nhau kiện Công ty để lấy tiền chênh lệch chia nhau. Vì thấy số tiền lớn nên ông H đã đồng ý theo sự sắp đặt của vợ chồng ông S, bà M. Như vậy, những lời khai của ông H là tự nguyện và ông H phải chịu trách nhiệm về lời khai của mình tại Tòa án.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa Công ty với ông H, ông S, bà M có quan hệ giao dịch gửi giữ cà phê với nhau. Mặc dù, ông H là người trực tiếp giao dịch gửi cà phê với Công ty với 12 lần nhập cà phê vào kho Công ty với số lượng 142.460,7kg cà phê nhưng trong đó có 8 phiếu nhập cà phê mang tên ông S, bà M với số lượng 80.539,5kg cà phê. Công ty đã gửi thông báo cho ông S, bà M, ông H đến chốt giá cà phê để bán thu hồi nợ, việc Công ty cho rằng do ông S, bà M không đến quyết toán nên Công ty chốt giá cà phê cầm cố với ông H để thu hồi nợ cho Nhà nước mà không được sự đồng ý của ông S, bà M là không đúng; xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông S, bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M buộc bị đơn là Tổng Công ty A phải trả cho vợ chồng ông S bà M số lượng 80.539,5kg cà phê nhân xô là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Về số tiền vay: Công ty cà phê Buôn Hồ mua cà phê của khách hàng và cho khách hàng vay tiền theo phương thức: Khi khách hàng gửi cà phê vào kho Công ty, Công ty cho khách hàng vay số tiền bằng 70% giá trị cà phê gửi kho, với lãi suất từ 0,9% đến 1,1%/tháng. Công ty xác định chỉ cho khách hàng nhập cà phê vay tiền, số tiền được vay là căn cứ vào số cà phê nhập vào, số cà phê nhập vào là tài sản cầm cố đảm bảo cho việc thanh toán nên giữa việc nhập cà phê và vay tiền có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Do đó, ông S bà M yêu cầu Công ty trả 80.539,5 kg cà phê nhân xô thì ông S, bà M cũng phải có trách nhiệm đối với Công ty về số tiền vay.

Tại biên bản đối chất ngày 08/9/2014 ở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: *"Ông H là người làm thuê cho ông S, bà M nên ông H là người thay ông S, bà M gửi cà phê và vay tiền tại Công ty. Lúc này, ông S, bà M coi ông H như em út trong gia đình nên để ông H mang toàn bộ số tiền vay để ông H có vốn làm ăn kiếm lời"*, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn thừa nhận nội dung này. Như vậy, có căn cứ để xác định ông S, bà M biết số cà phê 80.539,5kg được cầm cố để vay tiền và đồng ý để ông H cầm tiền sử dụng nên phải chịu trách nhiệm đối với số tiền vay tương ứng với 80.539,5kg cà phê ký gửi đúng tên ông S, bà

M. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn, cũng như yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với số tiền vay trên nhưng các đương sự xác định không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu khởi kiện độc lập hay yêu cầu khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ.

[4] Về chi phí giám định: Tổng Công ty A phải chịu tiền chi phí giám định là 5.000.000đ được khấu trừ số tiền 5.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S bà M nhưng lại buộc ông S bà M phải chịu chi phí giám định là không đúng. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo bảng giá cà phê hiện tại thời điểm xét xử sơ thẩm tại thị xã Buôn Hồ có giá 31.600đồng/kg cà phê nhân xô (80.539,5kg x 31.600đ/kg) = 2.545.048.200đ.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại số tiền 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 003525 ngày 05/5/2006 tại Thị hành án dân sự huyện K (Nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk)

Tổng Công ty cà phê A phải chịu 82.900.964đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H;

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Áp dụng các Điều 562, 563, 565, 566, 568 của Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S) và bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thùy M) về việc yêu cầu Công ty cà phê B phải trả cho ông bà 80.539,5kg cà phê nhân xô.

[2] Về chi phí giám định: Buộc Tổng Công ty A phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí giám định được khấu trừ số tiền 5.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí giám định.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thùy M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại số tiền 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 003525 ngày 05/5/2006 tại Thi hành án dân sự huyện K (Nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk)

Tổng Công ty A phải chịu 82.900.964đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Ngọc L 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009439 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B (Do ông Trần Quốc H nộp thay). Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn H 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0009448 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Duy Tuấn**